

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HS-ST

Ngày: 21-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Quý

2/ Bà Nguyễn Thị Trung Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021 đối với:

* Bị cáo Nguyễn Hoàng Gia T (tên gọi khác: C) – Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1987, tại: Bình Định; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố D, TT. Đ, huyện Đ, Lâm Đồng; Chỗ ở: Tổ dân phố A, TT. Đ, huyện Đ, Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tiến Hoàng T1 – sinh năm 1966 (*đã chết*) và bà Võ Thị Bích H – sinh năm 1968; Vợ: Đặng Thị Huyền T2 – sinh năm 1990; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Về nhân thân: Năm 2003 bị UBND huyện Đ ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng; Năm 2007 bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, gây rối trật tự công cộng; Năm 2008 bị TAND huyện Đ xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Chống người thi hành công vụ”; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

* **Bị hại:** Anh Lê Thanh S – Sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn A1, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Công T3 – SN 1991

Địa chỉ: TDP B, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng “*Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt*”.

*** Người làm chứng:**

1/ Anh Hồ Văn T4 – Sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

2/ Ông Nguyễn Văn Đ1 – Sinh năm 1959

Địa chỉ: TDP D, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Vắng mặt*”.

3/ Anh Nguyễn Hoàng Quốc Thanh – Sinh năm 1995

Địa chỉ: TDP C1, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 20/3/2020, Lê Thanh S điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA Exciter 150 BKS 49M1–160.67 màu đen, cam đến nhà trọ của Nguyễn Hoàng Gia T, trú tại TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ để chơi. Tại đây, T có mượn xe của S 02 lần, cụ thể: Lần thứ nhất, T mượn xe của S để đi mua thuốc lá và đồ dùng cá nhân khoảng 15 phút sau thì quay về trả lại xe cho S; Lần thứ hai, T nói với S là cho mượn xe máy đi ra ngoài có việc lát sau quay lại trả xe, S đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe máy của S đến nhà của ông Nguyễn Văn Đ1, trú tại TDP D, thị trấn Đ, huyện Đ để mượn tiền. Sau khi mượn của ông Đ1 tổng số tiền là 25.000.000đ thì T để lại chiếc xe cho ông Đ1 để làm tin (*quá trình mượn hai bên không làm giấy tờ thể hiện việc vay mượn tiền*). Khoảng 18 giờ cùng ngày, S không thấy T về trả xe nên gọi điện thì T nói lát về trả nhưng 03 ngày sau vẫn không thấy T mang xe về trả. Sau đó, S nhiều lần gọi điện thoại cho T thì biết xe của mình đã bị T mang đi cầm cố, T hứa sẽ chuộc xe về trả cho S. Ngày 07/4/2020, khi ông Đ1 cần tiền thì T đến lấy xe đem đi cầm ở tiệm cầm đồ của anh Lê Công T3, trú tại TDP B, thị trấn Đ, huyện Đ để cầm chiếc xe máy của S được 30.000.000đ. Sau đó, T đem tiền trả cho ông Đ1 25.000.000đ, số tiền còn lại T dùng tiêu xài cá nhân. Thời gian sau đó, S tiếp tục nhiều lần gọi điện cho T về chuộc xe nhưng T hứa hẹn mà không về nên ngày 16/6/2020, S đã trình báo vụ việc lên Cơ quan Công an. Sau khi biết S đã viết đơn tố cáo lên Công an huyện Đ thì trưa ngày 09/7/2020, T có gọi điện cho S nói viết đơn xin rút đơn tố cáo thì T về chuộc lại xe. Đến tối cùng ngày, T về đến Đ rồi điện cho S ra quán Cà phê Q gần cầu mới để nói chuyện. Khi S đến quán cà phê, S có gặp T, Nguyễn Hoàng Quốc T5 (em trai T) và anh Lê Công T3 là chủ tiệm cầm đồ cùng ngồi chung bàn. Sau đó, T5 nói mai ra tiệm cầm đồ trả tiền cầm xe và nói S viết đơn xin rút đơn tố cáo cho T, S đồng ý. Đến sáng ngày 10/7/2020, T5, T và S đến tiệm cầm đồ để trả lại số tiền T cầm xe 30.000.000 đồng. Lúc này, T5 đứng ra trả tiền và làm giấy biên nhận với chủ tiệm cầm đồ. Đến chiều cùng ngày, S đem đơn lên Cơ quan Công an nộp xin rút đơn tố cáo và T cũng lên để làm việc. Trong thời gian Cơ quan điều tra tiến hành điều tra làm rõ động cơ, mục

đích việc S thay đổi lời khai, khai báo sai sự thật thì Nguyễn Hoàng Gia T lại có hành vi “Cố ý gây thương tích cho người khác” và bỏ đi khỏi địa phương. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Quyết định truy nã đối với T về tội “Cố ý gây thương tích”. Đến ngày 03/3/2021, T đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Sau đó, người bị hại đã viết đơn xin rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Vì vậy, ngày 24/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định đình chỉ điều tra. Đồng thời, tiếp tục làm việc với T để làm rõ hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô, BKS 49M1-160.67 của S. Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Hoàng Gia T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Theo kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS, ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định: Chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Exciter 150, BKS 49M1-160.67 màu đen, cam có trị giá 26.900.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng 23/CT-VKSĐT ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Gia T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù và không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và đều không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Vào trưa ngày 20/3/2020, bị cáo T đã lợi

dụng sự tin tưởng của anh Lê Thanh S nên đã chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Exciter 150, BKS 49M1–160.67 của anh S có trị giá 26.900.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng*) đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Qua lời khai nhận của bị cáo, bị hại và người làm chứng tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với những tài liệu chứng cứ đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà bị cáo T đã cố ý thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Không những vậy, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật. Về nhân thân: Năm 2003, UBND huyện Đ ra quyết định đưa bị cáo vào trường giáo dưỡng; Năm 2007, bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, gây rối trật tự công cộng. Năm 2008, bị cáo bị xử phạt 12 tháng tù giam về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Vì vậy, cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo nhằm tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, vì: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại; tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; người bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, còn có ông Nguyễn Văn Đ1 là người đã cho T mượn số tiền 25.000.000đ, sau đó T để lại chiếc xe máy của S để làm tin. Quá trình điều tra, xác định ông Đạt không biết việc T mượn xe của S để lại làm tin khi mượn tiền; Đối với anh Lê Công T3 là chủ tiệm cầm đồ đã cầm xe nhưng không biết là xe do T mượn của S mang đi cầm; Đối với Lê Thanh S nghe theo xúi giục của T khai báo gian dối với Cơ quan điều tra. Tuy nhiên, S đã nhận thức được sai phạm của mình, khai báo lại thành khẩn nên hành vi chưa gây hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy, Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm của anh Lê Công T3 và anh Lê Thanh S và không xem xét xử lý ông Nguyễn Văn Đ1 là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lê Thanh S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Công T3 đã nhận lại số tiền 30.000.000 đồng khi bị cáo T cầm xe và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[5] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ, xử lý: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Exciter 150, BKS 49M1–160.67 màu đen, cam. Quá trình điều tra, xác minh chiếc xe máy trên là tài sản hợp pháp của anh Lê Thanh S nên đã trả lại

cho anh S là phù hợp; 01 hợp đồng cầm đồ chiếc xe mô tô 49M1-160.67 giữa tiệm cầm đồ “TÍ” và Nguyễn Hoàng Gia T vào ngày 07/4/2020, do anh Lê Công T3 tự nguyện giao nộp được đưa vào lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Gia T (tên gọi khác: C) phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Gia T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2021.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QL và NVLQ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Dương Văn Hùng